

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển hệ Cao đẳng, Trung cấp đợt 2 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 5689/QĐ-BGD&ĐT ngày 01/9/2008 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội trên cơ sở Trường TH Thương mại và Du lịch Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 17/05/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội;

Căn cứ thông tư số 05/2021/TT-BLDTBXH ngày 07/07/2021 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng;

Căn cứ quyết định số 61/QĐ-TMDL ngày 22/02/2024 của trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội về việc ban hành "Quy định quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng" tại trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội;

Căn cứ kế hoạch tuyển sinh của trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng tuyển sinh năm 2024;

Theo đề nghị của Phó trưởng phòng Phụ trách phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận thí sinh trúng tuyển hệ Cao đẳng, Trung cấp đợt 2 năm 2024 (gồm 849 thí sinh, có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các Phòng, Khoa, Trung tâm, các Ông (Bà) có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận :

- Sở LĐTB&XH (để báo cáo);
- Như điều 2;
- Lưu VT, ĐT .



HIỆU TRƯỞNG

TS. Trịnh Thị Thu Hà

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN HỆ CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP ĐỢT 2 NĂM 2024

(Ban hành kèm theo quyết định số: 308/QĐ-TMDL ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng trường CĐ Thương mại và Du lịch Hà Nội)

TT	Mã HS	Họ Tên	Ngày sinh	Giới Tính	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
I	Hệ Cao đẳng						
1	38	Hoàng Minh Thái	28/09/2004	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
2	39	Hoàng Thị Phương Anh	04/01/2006	Nữ	6810103	Hướng dẫn du lịch	
3	40	Phạm Kiều Chinh	08/07/2006	Nữ	6810103	Hướng dẫn du lịch	
4	41	Vũ Hồng Ánh	02/12/2006	Nữ	6810103	Hướng dẫn du lịch	
5	42	Nguyễn Mạnh Hùng	08/04/2006	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
6	43	Hà Quỳnh Anh	15/11/2006	Nữ	6810103	Hướng dẫn du lịch	
7	44	Nguyễn Hồng Nhung	16/11/2006	Nữ	6810103	Hướng dẫn du lịch	
8	45	Phùng Minh Tú	12/12/2006	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
9	46	Nguyễn Tiến Lợi	02/07/2006	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
10	47	Đặng Quang Minh	29/04/2006	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
11	48	Nguyễn Phương Thảo	10/09/2006	Nữ	6810103	Hướng dẫn du lịch	
12	49	Nguyễn Thế Nam	21/08/2004	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
13	50	Vũ Mạnh Khải	06/12/2006	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
14	51	Lương Quán Quân	26/01/2006	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
15	52	Nguyễn Thị Thanh Ngân	07/08/2005	Nữ	6810103	Hướng dẫn du lịch	
16	53	Vũ Đình Duy	29/10/2006	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
17	54	Hoàng Thế Vinh	11/08/2005	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
18	55	Vũ Quang Sáng	09/12/2006	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
19	56	Phạm Anh Đức	12/10/2005	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
20	57	Phạm Thị Thu Phương	16/12/2006	Nữ	6810103	Hướng dẫn du lịch	
21	58	Đào Thị Minh Huyền	13/10/2006	Nữ	6810103	Hướng dẫn du lịch	
22	59	Giàng Quốc Phong	07/12/2006	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
23	60	Đinh Mỹ Duyên	28/07/2006	Nữ	6810103	Hướng dẫn du lịch	
24	61	Nguyễn Thị Chi	06/08/2006	Nữ	6810103	Hướng dẫn du lịch	
25	62	Nguyễn Duy Huy	07/01/2006	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
26	63	Nguyễn Thị Thu	24/04/2006	Nữ	6810103	Hướng dẫn du lịch	
27	64	Phạm Vũ Thanh Hằng	13/08/2006	Nữ	6810103	Hướng dẫn du lịch	
28	65	Lưu Minh Chung	16/08/2006	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
29	66	Nguyễn Tuấn Anh	25/10/2006	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
30	67	Lê Thị Phương Mai	16/07/2006	Nữ	6810103	Hướng dẫn du lịch	
31	68	Nguyễn Văn Tường	02/01/2006	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
32	69	Nguyễn Lương Việt	10/11/2004	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
33	70	Trần Văn Thương	14/03/2006	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
34	71	Đinh Công Quý	19/01/2005	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
35	72	Nguyễn Tuấn Kiệt	01/03/2006	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	

TT	Mã HS	Họ Tên	Ngày sinh	Giới Tính	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
36	73	Bùi Duy Đức	01/01/2000	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
37	74	Đặng Ngọc Anh	15/05/1996	Nữ	6810103	Hướng dẫn du lịch	
38	75	Quách Trường An	26/07/2006	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
39	76	Lò Thúy Ngân	21/05/2005	Nữ	6810103	Hướng dẫn du lịch	
40	77	Mai Tiến Dũng	16/07/2004	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
41	78	Kiều Yến Nhi	23/10/2005	Nữ	6810103	Hướng dẫn du lịch	
42	79	Trịnh Văn Linh	23/10/2000	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
43	80	Phùng Bá Cảnh	08/03/2003	Nam	6810103	Hướng dẫn du lịch	
44	81	Nguyễn Thị Duyên	03/03/2001	Nữ	6340301	Kế toán	
45	82	Lê Thị Thu Thủy	09/05/2003	Nữ	6340301	Kế toán	
46	83	Trần Yến Nhi	17/10/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
47	84	Đinh Thị Thuỳ Linh	05/02/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
48	85	Quách Thị Hoa	26/05/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
49	86	Mai Thị Kim Chi	25/01/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
50	87	Nguyễn Thị Minh Ánh	28/02/2003	Nữ	6340301	Kế toán	
51	88	Đặng Thị Quỳnh Hoa	24/09/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
52	89	Đinh Quỳnh Nhi	25/02/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
53	90	Nguyễn Thị Việt Trinh	19/02/2004	Nữ	6340301	Kế toán	
54	91	Nguyễn Thị Thương	22/01/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
55	92	Nguyễn Thị Phương Lan	08/08/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
56	93	Nguyễn Thu Hiền	04/10/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
57	94	Nguyễn Ngọc Anh	05/05/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
58	95	Khuất Thị Uyên Nhi	10/05/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
59	96	Dương Thị Thu Trang	20/09/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
60	97	Phạm Tố Nhi	09/05/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
61	98	Nguyễn Khánh Ly	18/01/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
62	99	Nguyễn Thị Thanh	23/09/2002	Nữ	6340301	Kế toán	
63	100	Nguyễn Thị Hạnh	14/08/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
64	101	Lê Thị Diễm Quỳnh	23/05/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
65	102	Nguyễn Văn Quảng	28/03/2002	Nam	6340301	Kế toán	
66	103	Hoàng Thị Tâm	03/06/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
67	104	Phạm Thị Thu Thủy	01/05/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
68	105	Nguyễn Thị Kim Huệ	31/08/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
69	106	Đinh Quỳnh Diễm	21/02/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
70	107	Đặng Kim Ngân	08/07/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
71	108	Ngô Thị Thanh Tâm	09/11/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
72	109	Nghiêm Thị Giang	02/06/1994	Nữ	6340301	Kế toán	
73	110	Lê Thị Hoài Ngọc	29/07/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
74	111	Phí Thị Hương Giang	15/02/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
75	112	Phan Thị Thu Trang	15/10/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
76	113	Nguyễn Thị Hằng	19/07/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
77	114	Nguyễn Thị Hương Giang	20/11/2006	Nữ	6340301	Kế toán	

TT	Mã HS	Họ Tên	Ngày sinh	Giới Tính	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
78	115	Nguyễn Thùy Dương	29/10/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
79	116	Nguyễn Oanh Oanh	12/08/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
80	117	Nguyễn Vũ Khánh Ly	17/12/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
81	118	Bùi Hương Giang	02/12/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
82	119	Phạm Lan Anh	02/09/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
83	120	Nguyễn Thị Linh Chi	18/07/2003	Nữ	6340301	Kế toán	
84	121	Dương Kim Yến	20/11/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
85	122	Lê Thị Ngọc	28/07/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
86	123	Ngô Thị Thanh Hiền	12/05/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
87	124	Nguyễn Như Quỳnh	20/03/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
88	125	Nguyễn Thị Phương Linh	13/01/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
89	126	Tạ Thùy Linh	16/12/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
90	127	Hoàng Khánh Huyền	26/08/2005	Nữ	6340301	Kế toán	
91	128	Nguyễn Thị Trang	22/03/2005	Nữ	6340301	Kế toán	
92	129	Cao Thanh Phương	13/10/2006	Nữ	6340301	Kế toán	
93	130	Bùi Đức Anh	17/06/2006	Nam	6340301	Kế toán	
94	131	Trịnh Ngọc Mai	23/03/2005	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
95	132	Mai Thu Trang	12/01/2003	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
96	133	Nguyễn Ngọc Linh	15/07/2005	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
97	134	Phan Thị Thương	08/12/2006	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
98	135	Đinh Văn Toàn	17/10/2005	Nam	6340101	Kinh doanh thương mại	
99	136	Phan Thị Quỳnh Dung	14/03/2006	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
100	137	Nguyễn Thanh Huyền	01/11/2006	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
101	138	Đào Đức Lương	07/12/2005	Nam	6340101	Kinh doanh thương mại	
102	139	Văn Đức Vũ	06/06/2006	Nam	6340101	Kinh doanh thương mại	
103	140	Nguyễn Thị Hạnh	20/11/2005	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
104	141	Lê Anh Tuấn	05/10/2006	Nam	6340101	Kinh doanh thương mại	
105	142	Vũ Thị Lan Anh	06/01/2006	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
106	143	Ngô Quang Hưng	15/11/2006	Nam	6340101	Kinh doanh thương mại	
107	144	Bùi Thị Thanh Nhân	12/02/2006	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
108	145	Đào Phương Anh	26/05/2006	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
109	146	Phùng Thị Thu Hà	11/06/2006	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
110	147	Vương Trung Hiếu	30/10/2006	Nam	6340101	Kinh doanh thương mại	
111	148	Trần Phương Linh	03/04/2006	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
112	149	Nguyễn Quang Trung	24/10/1996	Nam	6340101	Kinh doanh thương mại	
113	150	Nguyễn Trung Hiếu	31/01/2005	Nam	6340101	Kinh doanh thương mại	
114	151	Vũ Thị Thu Lan	13/09/2006	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
115	152	Đặng Anh Tuấn	18/11/2006	Nam	6340101	Kinh doanh thương mại	
116	153	Nguyễn Thị Ngân	30/12/2006	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
117	154	Bùi Văn Cường	12/09/2006	Nam	6340101	Kinh doanh thương mại	
118	155	Vũ Văn Long	10/03/2006	Nam	6340101	Kinh doanh thương mại	
119	156	Ngô Quang Trường	26/08/2004	Nam	6340101	Kinh doanh thương mại	

TT	Mã HS	Họ Tên	Ngày sinh	Giới Tính	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
120	157	Nguyễn Trọng Tuấn Anh	18/11/2006	Nam	6340101	Kinh doanh thương mại	
121	158	Hoàng Thanh Thảo	03/01/2004	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
122	159	Nguyễn Minh Phương	18/01/2006	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
123	160	Vũ Quỳnh Anh	10/01/2006	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
124	161	Nguyễn Thị Lương	20/09/2006	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
125	162	Mạc Thị Thu	04/01/2006	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
126	163	Nguyễn Ngọc Ánh	28/03/2006	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
127	164	Nguyễn Triệu Hữu Nam	26/06/2002	Nam	6340101	Kinh doanh thương mại	
128	165	Lưu Thị Thanh Lam	11/10/2006	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
129	166	Nguyễn Thị Chung	23/05/2006	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
130	167	Nguyễn Thị Vân Anh	16/05/2005	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
131	168	Nguyễn Thị Hồng Nhung	04/09/2006	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
132	169	Phạm Khánh Ly	16/06/2006	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
133	170	Nguyễn Thị Nhung	21/08/2006	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
134	171	Lê Hải Đăng	20/03/2006	Nam	6340101	Kinh doanh thương mại	
135	172	Nguyễn Tuyết Nhung	26/08/2006	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
136	173	Phùng Ngọc Ánh	08/06/2005	Nam	6340101	Kinh doanh thương mại	
137	174	Nguyễn Thị Kim Hân	15/02/2006	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
138	175	Nguyễn Thị Huyền Trang	05/10/2006	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
139	176	Nguyễn Phương Thúy	17/02/2006	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
140	177	Đinh Thị Thêu	11/10/2006	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
141	178	Hồ Thuý Quỳnh	04/09/2006	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
142	179	Phùng Quang Duy	13/05/2006	Nam	6340101	Kinh doanh thương mại	
143	180	Đỗ Quốc Duy	02/11/2004	Nam	6340101	Kinh doanh thương mại	
144	181	Nguyễn Mai Trang	13/02/2005	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
145	182	Phạm Hòa Phúc	23/01/2006	Nam	6340101	Kinh doanh thương mại	
146	183	Vũ Thị Xoan	22/01/2005	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
147	184	Đào Văn Huy	23/12/2003	Nam	6340101	Kinh doanh thương mại	
148	185	Hoàng Thị Ngọc Hân	22/07/2005	Nữ	6340101	Kinh doanh thương mại	
149	186	Trần Văn Thế	28/03/2006	Nam	6340101	Kinh doanh thương mại	
150	187	Cù Ngọc Bảo Long	24/04/2004	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
151	188	Lê Minh Hải	31/08/1999	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
152	189	Nguyễn Ngọc Anh Tuấn	16/07/2005	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
153	190	Phạm Phương Thảo	10/12/2005	Nữ	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
154	191	Vũ Huy Hoàng	27/09/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
155	192	Mạc Đình Ninh	01/08/2005	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
156	193	Nguyễn Thị Mai Phương	05/07/2006	Nữ	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
157	194	Phạm Văn Hiền	29/08/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
158	195	Nguyễn Thái Hậu	21/01/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
159	196	Nguyễn Tấn Dũng	30/09/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
160	197	Phạm Tiến Tới	04/09/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
161	198	Nguyễn Công Nam	04/11/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	

TT	Mã HS	Họ Tên	Ngày sinh	Giới Tính	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
162	199	Dương Thị Thanh	07/11/1990	Nữ	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
163	200	Nguyễn Thị Kim Ngân	24/10/2006	Nữ	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
164	201	Nguyễn Thanh Hằng	17/06/2005	Nữ	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
165	202	Trần Nguyễn Huyền Trang	25/09/2006	Nữ	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
166	203	Nguyễn Ngọc Như Ý	31/08/2006	Nữ	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
167	204	Trần Văn Vũ Ngọc	20/11/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
168	205	Nguyễn Thế Bách	09/02/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
169	206	Nguyễn Thanh Phú	06/05/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
170	207	Phạm Thanh Hoà	25/03/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
171	208	Hoàng Minh Hiếu	15/09/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
172	209	Nguyễn Ngọc Nguyên	04/11/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
173	210	Đặng Thanh Long	25/04/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
174	211	Hoàng Tiến Đạt	09/02/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
175	212	Lý Khánh Vinh	18/08/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
176	213	Nguyễn Tấn Phát	28/11/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
177	214	Bùi Mạnh Hùng	08/08/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
178	215	Phạm Minh Vũ	17/09/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
179	216	Đặng Thanh Trà	20/04/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
180	217	Mai Văn Nguyễn	10/12/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
181	218	Nguyễn Bá Thọ	26/08/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
182	219	Trần Tuấn Phong	03/11/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
183	220	Xa Quang Khải	01/08/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
184	221	Đinh Bảo Thanh	25/12/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
185	222	Bùi Văn Đức	09/05/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
186	223	Phùng Văn Duy	10/05/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
187	224	Nguyễn Thông Văn	20/10/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
188	225	Hà Đức Duy	04/04/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
189	226	Trương Hữu Đức Anh	02/06/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
190	227	Hoàng Việt Dũng	05/10/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
191	228	Trần Quốc Anh	27/03/2004	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
192	229	Nguyễn Quang Sáng	30/03/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
193	230	Nguyễn Ngọc Lương	07/03/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
194	231	Trần Nhất Long	15/03/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
195	232	Phan Công Đạt	27/04/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
196	233	Vũ Thị Hương Giang	28/12/2006	Nữ	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
197	234	Đỗ Ngọc Quý	17/07/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
198	235	Phí Diệu Anh	02/08/2006	Nữ	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
199	236	Nguyễn Đình Tuấn	22/11/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
200	237	Nguyễn Mai Anh	09/09/2006	Nữ	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
201	238	Nguyễn Văn Long	10/01/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
202	239	Nguyễn Danh Tuấn	10/05/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
203	240	Vũ Tuấn Trường	08/11/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	

TT	Mã HS	Họ Tên	Ngày sinh	Giới Tính	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
204	241	Nguyễn Duy Hưng	25/01/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
205	242	Trương Đức Hùng	28/09/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
206	243	Nguyễn Tiến Long	05/06/2004	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
207	244	Phạm Văn Ngọc	30/12/2003	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
208	245	Nguyễn Minh Quang	14/04/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
209	246	Nguyễn Hoàng Hải	14/10/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
210	247	Nguyễn Văn Huy	21/05/2005	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
211	248	Vũ Văn Nam	25/09/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
212	249	Nguyễn Tấn Phát	05/03/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
213	250	Mai Thanh Phong	25/03/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
214	251	Lê Khả Dũng	23/07/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
215	252	Chu Đức Hà	07/05/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
216	253	Lê Hoàng Anh	08/10/2005	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
217	254	Triệu Văn Chung	05/02/2004	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
218	255	Nguyễn Đình Vĩ	03/07/2005	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
219	256	Chu Tiến Đạt	11/11/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
220	257	Bùi Khắc Vũ	22/07/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
221	258	Nguyễn Văn Hiệp	08/09/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
222	259	Thái Văn Nam	12/05/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
223	260	Nguyễn Minh Hiếu	28/12/2005	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
224	261	Bùi Minh Đức	07/08/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
225	262	Châu Văn Quân	03/06/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
226	263	Nguyễn Anh Tuấn	16/11/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
227	264	Nguyễn Mạnh Hùng	08/02/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
228	265	Lê Hữu Linh	09/10/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
229	266	Nguyễn Đình Đạt	03/10/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
230	267	Nguyễn Việt Tiến	26/08/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
231	268	Lưu Văn Tuyên	19/04/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
232	269	Nguyễn Xuân Hoàng	29/04/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
233	270	Phạm Văn Hiếu	27/11/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
234	271	Trần Nho Dương	02/05/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
235	272	Hạng Quang Hải	04/03/1999	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
236	273	Hoàng Kim Đông	11/05/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
237	274	Phạm Thị Thùy Ninh	04/03/2006	Nữ	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
238	275	Nguyễn Trung Kiên	06/10/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
239	276	Nguyễn Văn Quyền	03/08/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
240	277	Phạm Thành Đạt	15/10/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
241	278	Phạm Anh Tuấn	03/12/2005	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
242	279	Lê Thành Tiệp	10/09/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
243	280	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	01/08/2005	Nữ	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
244	281	Trần Quang Thái	16/06/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
245	282	Nguyễn Hữu Đông	13/07/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	

TT	Mã HS	Họ Tên	Ngày sinh	Giới Tính	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
246	283	Nguyễn Văn Biễn	02/10/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
247	284	Vũ Phương Thảo	25/10/2005	Nữ	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
248	285	Phan Phi Dương	05/08/2003	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
249	286	Nguyễn Thị Hồng Đức	25/12/2003	Nữ	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
250	287	Nguyễn Như Quyết	04/09/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
251	288	Bàn Văn Chiến	24/11/2005	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
252	289	Nguyễn Thiếu Ngọc	04/10/2005	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
253	290	Trần Quang Minh	18/05/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
254	291	Phùng Thành Dương	14/10/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
255	292	Lưu Nhật Quang	24/02/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
256	293	Nguyễn Đức Phong	20/04/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
257	294	Nguyễn Hồng Dương	20/03/2006	Nữ	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
258	295	Nguyễn Hải Đăng	04/02/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
259	296	Nguyễn Việt Huân	04/11/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
260	297	Nguyễn Đức Thanh Quang	15/05/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
261	298	Đặng Lê Duy	27/10/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
262	299	Mai Xuân Linh	21/04/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
263	300	Dương Quốc Khánh	02/09/2005	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
264	301	Hoàng Trọng Hiền	15/04/1997	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
265	302	Trần Hữu Minh Kiên	28/08/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
266	303	Nguyễn Quỳnh Trang	03/03/2006	Nữ	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
267	304	Lê Đức Huy	20/05/2005	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
268	305	Hà Đức Minh	19/06/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
269	306	Trịnh Công Thành	28/04/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
270	307	Đặng Hoàng Đạt	11/10/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
271	308	Nguyễn Đình Khánh	18/04/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
272	309	Lê Đình Hiếu	08/10/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
273	310	Phạm Phú Đức	03/10/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
274	311	Uông Ngọc Đồng	16/07/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
275	312	Trần Văn Lộc	14/06/2002	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
276	313	Lê Tùng Dương	05/07/2005	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
277	314	Ninh Viết Mạnh	09/02/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
278	315	Bùi Tuấn Kiệt	23/04/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
279	316	Lê Thị Phương Trà	09/04/2006	Nữ	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
280	317	Nguyễn Cát Anh	16/12/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
281	318	Đặng Tiến Sỹ	29/10/2006	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
282	319	Nguyễn Xuân Phúc	03/04/2001	Nam	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
283	320	Nguyễn Ngọc Tú	13/12/2003	Nữ	6810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
284	321	Phạm Tiến Dũng	25/06/2003	Nam	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
285	322	Trịnh Nhật Minh	28/05/2005	Nam	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
286	323	Phùng Thái Cường	30/07/2004	Nam	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
287	324	Lê Diệu Anh	09/02/2003	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	

TT	Mã HS	Họ Tên	Ngày sinh	Giới Tính	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
288	325	Nông Thị Đan Thanh	26/04/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
289	326	Phạm Thị Thuỳ Trang	05/11/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
290	327	Bùi Thị Chi	20/10/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
291	328	Phan Văn Học	24/03/2003	Nam	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
292	329	Hà Trọng Đức	05/06/2004	Nam	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
293	330	Nguyễn Thanh Huyền	18/03/2005	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
294	331	Đào Lưu Ly	11/01/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
295	332	Vũ Thị Khánh Linh	03/07/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
296	333	Ngô Thuỳ Anh	06/01/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
297	334	Phạm Quang Dũng	15/11/2006	Nam	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
298	335	Nguyễn Hải Đăng	24/12/2006	Nam	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
299	336	Nguyễn Minh Quang	08/09/2006	Nam	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
300	337	Phạm Thái Dương	12/08/2006	Nam	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
301	338	Nguyễn Quốc Anh	17/03/2005	Nam	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
302	339	Trần Lan Anh	01/08/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
303	340	Hoàng Thị Xuân Diệu	03/03/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
304	341	Trần Minh Dũng	11/05/2006	Nam	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
305	342	Diêm Thị Hồng Nhung	05/09/2003	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
306	343	Đào Thị Hồng	26/05/2005	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
307	344	Nguyễn Việt Hoàn	11/09/2006	Nam	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
308	345	Nguyễn Phúc Long	17/05/2006	Nam	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
309	346	Đặng Thị Tuyền	08/10/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
310	347	Hoàng Ngọc Tú	22/03/2006	Nam	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
311	348	Đỗ Thị Thu Phương	26/10/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
312	349	Nguyễn Thị Minh Anh	08/04/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
313	350	Đỗ Thị Kim Chung	05/10/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
314	351	Đào Kiều Trang	10/02/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
315	352	Nguyễn Thị Minh Anh	27/12/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
316	353	Đặng Thị Linh	14/07/2004	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
317	354	Nguyễn Quang Huy	14/01/2006	Nam	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
318	355	Ngô Thị Thơ	11/06/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
319	356	Bùi Thanh Tâm	07/11/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
320	357	Nguyễn Thị Khánh Hoà	14/06/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
321	358	Nguyễn Thảo Ngân	17/04/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
322	359	Trần Ngọc Sơn	25/01/2006	Nam	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
323	360	Bùi Ngọc Anh	26/03/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
324	361	Hà Ngọc Linh	22/06/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
325	362	Trương Thị Thanh Trà	15/06/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
326	363	Phạm Minh Phương	30/09/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
327	364	Trần Trí Anh	20/06/2006	Nam	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
328	365	Đỗ Thị Hồng Huế	21/10/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
329	366	Hà Lê Phương Linh	10/05/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	

TT	Mã HS	Họ Tên	Ngày sinh	Giới Tính	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
330	367	Đỗ Thị Hương	21/05/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
331	368	Đỗ Thị Hiền Trang	31/08/2003	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
332	369	Nguyễn Hà Vy	18/09/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
333	370	Nguyễn Văn Thịnh	13/03/2006	Nam	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
334	371	Phạm Thị Thanh Huyền	24/08/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
335	372	Nguyễn Thị Thùy Linh	01/09/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
336	373	Hoàng Phước Hưng	23/08/2006	Nam	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
337	374	Phan Trung Hiếu	25/02/2006	Nam	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
338	375	Vũ Khánh Linh	30/01/2005	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
339	376	Nguyễn Minh Hùng	09/06/2004	Nam	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
340	377	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	25/12/2002	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
341	378	Lê Thị Hồng Vân	31/07/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
342	379	Nguyễn Hoàng Lan	25/04/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
343	380	Nguyễn Kim Ngân	20/10/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
344	381	Nguyễn Tiến Lực	18/01/2006	Nam	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
345	382	Nguyễn Thị Mai	01/08/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
346	383	Trần Ngọc Bảo	19/10/2006	Nam	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
347	384	Dương Đức Thọ	09/06/2005	Nam	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
348	385	Nguyễn Phương Ngân	28/08/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
349	386	Trần Cung Thành	16/05/2006	Nam	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
350	387	Nguyễn Thị Vi Thảo	25/06/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
351	388	Trần Mai Quyên	03/11/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
352	389	Đinh Thị Hồng Vân	02/02/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
353	390	Dương Tuấn Linh	21/07/2006	Nam	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
354	391	Nguyễn Tiến Dũng	20/02/2005	Nam	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
355	392	Nguyễn Thị Kiều Oanh	22/05/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
356	393	Nguyễn Thị Nhân	06/05/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
357	394	Nguyễn Bình Thơ	21/02/2003	Nam	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
358	395	Nguyễn Thuý An	14/02/2004	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
359	396	Đặng Thị Hiền	24/05/2006	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
360	397	Nguyễn Mai Phương	02/10/2004	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
361	398	Nguyễn Thị Phương Thảo	05/07/2005	Nữ	6810101	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
362	399	Nguyễn Thị Duyên	20/02/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
363	400	Doãn Đức Tuấn	28/01/1998	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
364	401	Phạm Quang Trường	19/01/2006	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
365	402	Phan Lạc Hưng	03/08/2004	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
366	403	Hà Đức Anh	28/10/2006	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
367	404	Hoàng Đình Tuyển	13/03/2006	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
368	405	Giang Vân Anh	29/03/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
369	406	Lê Việt Anh	08/10/2003	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
370	407	Thân Thị Chi	01/01/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
371	408	Đỗ Mai Anh	09/05/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	

TT	Mã HS	Họ Tên	Ngày sinh	Giới Tính	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
372	409	Trần Thu Hằng	08/05/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
373	410	Nguyễn Hồng Anh	12/08/2003	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
374	411	Bùi Thị Yến	12/29/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
375	412	Nguyễn Thanh Long	23/05/2006	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
376	413	Nguyễn Thùy Dương	23/09/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
377	414	Nguyễn Quang Hải	16/08/2006	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
378	415	Trần Lê Thuỷ	07/02/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
379	416	Mai	29/11/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
380	417	Tạ Thu Hương	27/11/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
381	418	Dương Thị Lan	19/06/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
382	419	Mai Thị Phương Thảo	15/01/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
383	420	Nguyễn Huyền Trang	20/02/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
384	421	Phan Văn Sỹ	01/01/2006	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
385	422	Nguyễn Thị Hường	17/10/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
386	423	Dương Mỹ Dung	29/08/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
387	424	Nguyễn Văn Tuấn	29/08/2006	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
388	425	Đỗ Thị Ngọc Ánh	13/11/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
389	426	Nguyễn Hương Lan	23/08/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
390	427	Trần Thị Hợp	24/10/2000	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
391	428	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	21/05/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
392	429	Nguyễn Phương Anh	13/07/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
393	430	Hoàng Minh Đức	14/06/2006	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
394	431	Trần Thu Hà	21/07/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
395	432	Nguyễn Thị Tâm	21/09/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
396	433	Nguyễn Thị Hoài Anh	02/11/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
397	434	Nguyễn Hiền Mai	02/12/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
398	435	Phạm Nguyễn Ái Nhân	16/07/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
399	436	Nguyễn Hoài Linh	13/03/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
400	437	Lê Thị Thuý	01/05/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
401	438	Chu Thị Thanh Trà	10/04/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
402	439	Nguyễn Thị Thảo	31/10/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
403	440	Trần Thị Ngọc Quyên	25/05/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
404	441	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	07/02/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
405	442	Trần Anh Tuấn	07/05/2006	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
406	443	Đỗ Thùy Giang	17/09/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
407	444	Nguyễn Thị Tươi	13/10/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
408	445	Nguyễn Trường Minh	15/09/2006	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
409	446	Nguyễn Xuân Phong	09/03/2006	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
410	447	Vũ Thuý Hồng	10/11/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
411	448	Nguyễn Như Quỳnh	11/07/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
412	449	Đỗ Quỳnh Thư	16/05/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
413	450	Đặng Xuân Hoàn	06/08/2006	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	

TT	Mã HS	Họ Tên	Ngày sinh	Giới Tính	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
414	451	Trần Lê Nhật Anh	01/11/2006	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
415	452	Nguyễn Quỳnh Nga	26/10/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
416	453	Phạm Quỳnh Anh	21/12/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
417	454	Lê Trung Thắng	07/10/2006	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
418	455	Nguyễn Thị Huyền	31/08/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
419	456	Lê Xuân Sang	09/12/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
420	457	Mông Hải Quang	04/12/2005	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
421	458	Nghiêm Thị Điệp	15/03/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
422	459	Lê Thị Hoa	06/01/2004	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
423	460	Lê Thị Phương Ánh	22/12/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
424	461	Đỗ Thị Duyên Khánh	20/06/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
425	462	Lê Thu Hà	12/03/2005	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
426	463	Nguyễn Thị Hồng Vân	01/03/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
427	464	Lê Thủy Trâm	27/08/2006	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
428	465	Phạm Quốc Huy	10/02/2003	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
429	466	Vũ Thị Tâm	07/12/2004	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
430	467	Nguyễn Hoàng Anh	24/08/2001	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
431	468	Lý Văn Luân	25/09/2003	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
432	469	Nguyễn Thế Lâm	09/09/2006	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
433	470	Phạm Nhật Thành	20/07/2005	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
434	471	Vũ Đình Quân	15/06/2006	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
435	472	Trần Thế Anh	01/06/2000	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
436	473	Nguyễn Đình Tuyến	03/04/1999	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
437	474	Vũ Văn Tài	25/05/2005	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
438	475	Phạm Trung Hiếu	02/04/2006	Nam	6340404	Quản trị kinh doanh	
439	476	Trần Thị Huệ Quyên	27/07/2005	Nữ	6340404	Quản trị kinh doanh	
440	477	Nguyễn Hoài Nam	05/02/2004	Nam	6810201	Quản trị khách sạn	
441	478	Dư Chí Mạnh	23/07/2004	Nam	6810201	Quản trị khách sạn	
442	479	Hoàng Thị Thủy Linh	01/08/2005	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
443	480	Dương Thị Trang	13/11/2005	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
444	481	Nguyễn Thị Yến Nhi	15/04/2005	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
445	482	Lê Mai Phương	06/06/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
446	483	Nguyễn Minh Tuyết	18/09/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
447	484	Lê Ngọc Dương	14/11/2006	Nam	6810201	Quản trị khách sạn	
448	485	Lê Thị Thu Hiền	27/02/2005	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
449	486	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	06/01/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
450	487	Hoàng Gia An	13/02/2006	Nam	6810201	Quản trị khách sạn	
451	488	Nguyễn Thị Tuyết	02/05/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
452	489	Trần Thị Hà Phương Ly	22/10/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
453	490	Phạm Hoàng Phong	31/08/2006	Nam	6810201	Quản trị khách sạn	
454	491	Nguyễn Phan Ngọc Mai	20/08/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
455	492	Lê Hải Nhuận	14/09/2006	Nam	6810201	Quản trị khách sạn	

TT	Mã HS	Họ Tên	Ngày sinh	Giới Tính	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
456	493	Nguyễn Thị Hạnh	14/07/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
457	494	Đoàn Thị Hiền	04/01/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
458	495	Vũ Thu Thủy	21/06/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
459	496	Nguyễn Khánh Ly	19/07/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
460	497	Khương Quý Trọng	22/04/2006	Nam	6810201	Quản trị khách sạn	
461	498	Nguyễn Ngọc Ánh	26/11/2005	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
462	499	Trần Thị Tố Uyên	17/08/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
463	500	Trịnh Đức Hậu	05/11/2006	Nam	6810201	Quản trị khách sạn	
464	501	Lê Yến Nhi	04/12/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
465	502	Bùi Thanh Tuấn Hùng	22/08/2006	Nam	6810201	Quản trị khách sạn	
466	503	Cao Thị Ngọc Linh	27/10/2005	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
467	504	Cao Huyền Thương	24/08/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
468	505	Nguyễn Thanh Trà	17/02/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
469	506	Lê Văn Lệ	22/01/2006	Nam	6810201	Quản trị khách sạn	
470	507	Chu Đình Trung	11/06/2006	Nam	6810201	Quản trị khách sạn	
471	508	Đặng Tiến Việt	11/05/2006	Nam	6810201	Quản trị khách sạn	
472	509	Nguyễn Uyên Nhi	28/03/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
473	510	Đinh Thi Thu Hào	03/10/2005	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
474	511	Phạm Thị Thảo Ngọc	31/12/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
475	512	Nguyễn Hoài Phương	04/06/2004	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
476	513	Triệu Văn Tú	21/04/2004	Nam	6810201	Quản trị khách sạn	
477	514	Trần Đức Duyệt	13/10/2005	Nam	6810201	Quản trị khách sạn	
478	515	Giàng Thị Vừ	14/04/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
479	516	Nguyễn Tiến Tiệp	13/08/2006	Nam	6810201	Quản trị khách sạn	
480	517	Nguyễn Đỗ Khánh Hoà	27/10/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
481	518	Phan Thị Lệ Quyên	24/03/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
482	519	Nguyễn Văn Khuyển	17/01/2006	Nam	6810201	Quản trị khách sạn	
483	520	Dương Huyền Trang	27/06/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
484	521	Nguyễn Thành Trung	05/08/2006	Nam	6810201	Quản trị khách sạn	
485	522	Nguyễn Lan Anh	28/01/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
486	523	Nguyễn Hồ Phương	17/05/2006	Nam	6810201	Quản trị khách sạn	
487	524	Trần Trà My	14/10/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
488	525	Nguyễn Phương Diễm	04/07/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
489	526	Nguyễn Như Quỳnh	07/10/2005	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
490	527	Phạm Thu Giang	23/08/2005	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
491	528	Nguyễn Lan Anh	22/01/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
492	529	Nguyễn Ngọc Linh	19/12/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
493	530	Hoàng Xuân Phúc	09/05/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
494	531	Trần Khánh Ly	15/12/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
495	532	Vì Hiếu Thực	16/12/2006	Nam	6810201	Quản trị khách sạn	
496	533	Tổng Trường Giang	28/01/2006	Nam	6810201	Quản trị khách sạn	
497	534	Vũ Thị Linh	15/12/2004	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	

TT	Mã HS	Họ Tên	Ngày sinh	Giới Tính	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
498	535	Nguyễn Bảo Yến	07/08/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
499	536	Nguyễn Thành Nam	11/04/2006	Nam	6810201	Quản trị khách sạn	
500	537	Hoàng Thị Huệ	04/06/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
501	538	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/05/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
502	539	Nguyễn Thanh Huyền	05/06/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
503	540	Cần Xuân Ngọc	03/01/2005	Nam	6810201	Quản trị khách sạn	
504	541	Nguyễn Anh Tuấn	26/02/2005	Nam	6810201	Quản trị khách sạn	
505	542	Đặng Thị Kiều Trang	26/06/2006	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
506	543	Trần Thanh Vân	07/07/1997	Nữ	6810201	Quản trị khách sạn	
507	544	Nguyễn Vũ Duy Anh	01/01/2005	Nam	6810201	Quản trị khách sạn	
508	545	Nguyễn Dương Đức Hùng	26/03/2004	Nam	6810205	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	
509	546	Ngô Minh Thức	22/12/2006	Nam	6810205	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	
510	547	Đặng Quang Trung	16/10/2006	Nam	6810205	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	
511	548	Nguyễn Bùi Minh Trang	20/03/2005	Nữ	6810205	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	
512	549	Nguyễn Huyền Trang	10/08/2006	Nữ	6810205	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	
513	550	Đinh Đức Toàn	28/09/2006	Nam	6810205	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	
514	551	Dư Văn Trường	02/04/2005	Nam	6810205	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	
515	552	Lương Thị Thu Phương	19/01/2006	Nữ	6810205	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	
516	553	Đỗ Trung Dũng	01/05/2001	Nam	6810205	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	
517	554	Phạm Thị Oanh	02/08/2004	Nữ	6810205	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	
518	555	Nguyễn Phương Thảo	23/10/2006	Nữ	6810205	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	
519	556	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	09/06/2006	Nữ	6810205	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	
520	557	Nguyễn Hữu Quý	21/07/2006	Nam	6810205	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	
521	558	Vũ Hoàng Minh	07/06/2004	Nam	6810205	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	
522	559	Nguyễn Hoàng Nguyệt Nhi	13/05/2006	Nữ	6810205	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	
523	560	Lý Văn Phúc	05/12/2003	Nam	6220206	Tiếng Anh	
524	561	Nguyễn Thị Thanh Mai	12/12/2003	Nữ	6220206	Tiếng Anh	
525	562	Vũ Thị Huyền Trang	12/04/2006	Nữ	6220206	Tiếng Anh	
526	563	Đặng Khôi Nguyên	19/07/2006	Nam	6220206	Tiếng Anh	
527	564	Nguyễn Diệu Anh	08/01/2006	Nữ	6220206	Tiếng Anh	
528	565	Lù A Cháy	16/03/2006	Nam	6220206	Tiếng Anh	
529	566	Lộc Minh Quý	28/02/2006	Nam	6220206	Tiếng Anh	
530	567	Vàng Thị Súa	20/09/2006	Nữ	6220206	Tiếng Anh	
531	568	Nguyễn Đức Lương	17/10/2005	Nam	6220206	Tiếng Anh	
532	569	Nguyễn Đình Phúc	03/04/2006	Nam	6220206	Tiếng Anh	
533	570	Lê Thị Hồng Ngọc	25/06/2006	Nữ	6220206	Tiếng Anh	
534	571	Sùng Thị Dung	17/10/2006	Nữ	6220206	Tiếng Anh	
535	572	Lê Minh Sơn	21/12/2006	Nam	6220206	Tiếng Anh	
536	573	Nguyễn Mai Anh	18/11/2006	Nữ	6220206	Tiếng Anh	
537	574	Trần Thị Quý	25/12/2006	Nữ	6220206	Tiếng Anh	
538	575	Đỗ Quang Minh	10/08/2006	Nam	6220206	Tiếng Anh	
539	576	Hoàng Thị Ngân	31/10/2006	Nữ	6220206	Tiếng Anh	

TT	Mã HS	Họ Tên	Ngày sinh	Giới Tính	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
540	577	Hoàng Thị Ngọc	31/10/2006	Nữ	6220206	Tiếng Anh	
541	578	Hoàng Kim Anh	22/06/2006	Nữ	6220206	Tiếng Anh	
542	579	Nguyễn Thanh Huyền	22/11/2006	Nữ	6220206	Tiếng Anh	
543	580	Đinh Đức Mạnh	06/03/2004	Nam	6220206	Tiếng Anh	
544	581	Trịnh Nhật Minh	23/12/2006	Nam	6220206	Tiếng Anh	
545	582	Nguyễn Thị Quyên	03/09/2006	Nữ	6220206	Tiếng Anh	
546	583	Nguyễn Thảo Vân	01/12/2005	Nữ	6220206	Tiếng Anh	
547	584	Phạm Huy Hoàng	28/06/2004	Nam	6220206	Tiếng Anh	
548	585	Trần Thị Kim Phụng	19/10/2003	Nữ	6220206	Tiếng Anh	
549	586	Bùi Thị Thảo Nguyên	15/10/2003	Nữ	6220206	Tiếng Anh	
550	587	Nguyễn Văn Anh	06/11/2006	Nữ	6220206	Tiếng Anh	
551	588	Nguyễn Văn Đạt	07/07/2006	Nam	6220206	Tiếng Anh	
552	589	Trương Tiến Dũng	26/12/2003	nam	6340122	Thương mại điện tử	
553	590	Đinh Thị Ngoan	02/10/2003	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
554	591	Lưu Thị Linh	01/04/2005	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
555	592	Nguyễn Khánh Hiếu	05/05/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
556	593	Huỳnh Thị Thu Hương	03/06/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
557	594	Nguyễn Xuân Tùng	10/09/2005	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
558	595	Nguyễn Chính Triệu	17/01/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
559	596	Phùng Phương Nam	01/12/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
560	597	Nguyễn Thị Nhân	11/09/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
561	598	Lê Tuấn Anh	27/10/2004	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
562	599	Nguyễn Thị Thu Hoài	23/05/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
563	600	Nguyễn Xuân Trường	05/06/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
564	601	Đỗ Thị Ánh	01/11/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
565	602	Nguyễn Thu Huyền	10/01/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
566	603	Cao Xuân Phú	29/05/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
567	604	Bùi Thị Nhật Ánh	17/06/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
568	605	Nguyễn Thị Huyền Trang	12/08/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
569	606	Nguyễn Thị Huyền	03/08/2001	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
570	607	Trần Thanh Thảo	02/12/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
571	608	Phạm Thị Hải Yến	19/07/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
572	609	Đỗ Tiến Đạt	13/10/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
573	610	Nguyễn Quốc Nam	23/09/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
574	611	Nguyễn Thu Phương	08/08/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
575	612	Đỗ Thị Ngọc Trâm	28/10/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
576	613	Vũ Hoàng Long	10/06/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
577	614	Trương Thị Như Mai	03/10/2005	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
578	615	Bạch Anh Quân	21/02/2005	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
579	616	Trần Nguyễn Minh Thông	24/04/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
580	617	Nguyễn Đức Nam	16/07/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
581	618	Bùi Huy Long	05/01/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	

TT	Mã HS	Họ Tên	Ngày sinh	Giới Tính	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
582	619	Nguyễn Tuấn Anh	29/08/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
583	620	Đỗ Minh Đức	06/04/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
584	621	Đào Văn Duy	07/08/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
585	622	Phạm Huệ Thương	13/06/2003	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
586	623	Đoàn Minh Thu	07/08/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
587	624	Trịnh Ngọc Hai	17/03/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
588	625	Nguyễn Văn Chính	15/10/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
589	626	Vũ Việt Nhật	25/10/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
590	627	Nguyễn Anh Tuấn	27/11/2002	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
591	628	Nguyễn Xuân Minh	29/07/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
592	629	Nguyễn Hoàng Long	24/12/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
593	630	Nguyễn Duy Anh	21/07/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
594	631	Đỗ Thị Thu Uyên	10/09/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
595	632	Trần Quốc Hoàng	03/03/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
596	633	Đỗ Thanh Huân	22/07/2005	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
597	634	Trần Quốc Tuấn	02/07/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
598	635	Ngô Thế Hải Đăng	10/09/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
599	636	Giáp Đại Hiệp	09/02/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
600	637	Đỗ Văn Hùng	05/12/2005	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
601	638	Nguyễn Lan Anh	08/10/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
602	639	Lê Ngọc Phương Trinh	12/06/2003	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
603	640	Nguyễn Thị Hoa	26/08/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
604	641	Đỗ Minh Hiếu	25/03/2005	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
605	642	Nguyễn Hải Nam	15/08/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
606	643	Vũ Thị Hoa Phượng	06/10/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
607	644	Hoàng Thị Hoài Thu	17/04/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
608	645	Nguyễn Thị Đăng	04/07/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
609	646	Hoàng Ngọc Thắng	26/09/2005	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
610	647	Phạm Xuân Thanh	24/08/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
611	648	Hồ Văn Nam	04/12/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
612	649	Hoàng Anh Tuấn	14/10/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
613	650	Chu Thị Vân Anh	22/12/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
614	651	Nguyễn Thị Bình	18/10/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
615	652	Nguyễn Ngọc Thảo	16/03/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
616	653	Dương Thị Kim Anh	21/12/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
617	654	Hà Thị Lệ Quyên	03/04/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
618	655	Nguyễn Thuỳ Linh	16/01/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
619	656	Phạm Đức Tiến	02/01/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
620	657	Nguyễn Văn Hải Anh	02/08/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
621	658	Trần Phương Anh	26/08/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
622	659	Vũ Nhật Thành	24/11/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
623	660	Nguyễn Thị Điệp	01/01/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	

TT	Mã HS	Họ Tên	Ngày sinh	Giới Tính	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
624	661	Phạm Văn Mạnh	18/09/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
625	662	Nguyễn Duy Bách	10/11/2005	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
626	663	Đào Xuân Hùng	09/10/2004	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
627	664	Phạm Thị Bích Lan	11/11/2005	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
628	665	Vũ Ngọc Ánh	02/02/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
629	666	Đặng Duy Lâm	05/09/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
630	667	Nguyễn Yến Nhi	09/03/2005	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
631	668	Nguyễn Thị Dịu	08/11/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
632	669	Dương Thị Huyền	24/01/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
633	670	Phùng Thị Như Quỳnh	11/01/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
634	671	Võ Nam Quân	25/05/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
635	672	Trần Hoàng Nam	02/07/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
636	673	Nguyễn Anh Tú	21/05/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
637	674	Lê Tuấn Nghĩa	10/05/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
638	675	Hà Thị Duyên	27/06/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
639	676	Phạm Thị Hà	10/07/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
640	677	Nguyễn Hải Yến	13/02/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
641	678	Lê Thị Thu Nguyệt	11/01/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
642	679	Vương Duy Khánh	11/07/2005	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
643	680	Hà Huyền Trang	08/07/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
644	681	Nguyễn Thu Trang	09/07/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
645	682	Vương Duy Nhanh	24/12/2005	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
646	683	Nguyễn Thị Quỳnh	11/10/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
647	684	Vũ Tiến Tú	13/06/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
648	685	Bùi Thuý Lành	21/08/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
649	686	Phạm Thị Lan Hương	28/01/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
650	687	Ngô Hoàng Mai	29/06/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
651	688	Ngô Thị Hương Giang	27/02/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
652	689	Hoàng Minh Thiết	03/02/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
653	690	Nguyễn Ngọc Hải Vân	03/09/2005	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
654	691	Đỗ Hồng Quân	14/08/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
655	692	Nguyễn Thị Kim Oanh	09/06/2005	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
656	693	Nguyễn Thái Hà	10/09/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
657	694	Trần Thế Anh	03/01/2005	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
658	695	Dương Thị Hoài Thu	11/12/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
659	696	Nguyễn Thị Trà My	29/12/2004	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
660	697	Nguyễn Trọng Tấn	20/09/2005	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
661	698	Nguyễn Thị Hường	08/10/2005	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
662	699	Bùi Xuân Tiến	12/10/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
663	700	Ngô Văn An	22/12/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
664	701	Ngô Thanh Thảo	21/09/2004	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
665	702	Lê Đăng Duy	14/11/2006	Nam	6340122	Thương mại điện tử	

TT	Mã HS	Họ Tên	Ngày sinh	Giới Tính	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
666	703	Ngô Quang Hiếu	12/10/2004	Nam	6340122	Thương mại điện tử	
667	704	Phạm Thuỳ Linh	10/01/2006	Nữ	6340122	Thương mại điện tử	
668	705	Nguyễn Thị Thảo	01/09/2005	Nữ	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
669	706	Hạ Duy Khánh	13/03/2006	Nam	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
670	707	Nguyễn Nguyên Tú	04/12/2005	Nam	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
671	708	Nguyễn Văn Quyển	20/04/2006	Nam	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
672	709	Nguyễn Văn Luyến	04/04/2006	Nam	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
673	710	Nguyễn Hải Nam	20/12/2004	Nam	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
674	711	Phạm Tiến Dũng	08/11/2005	Nam	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
675	712	Trần Duy Mạnh	02/04/2006	Nam	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
676	713	Nguyễn Minh Tâm	31/03/2006	Nam	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
677	714	Giàng Thị Dê	25/12/2005	Nữ	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
678	715	Đặng Hương Giang	20/06/2006	Nữ	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
679	716	Trần Hương Giang	18/06/2006	Nữ	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
680	717	Nguyễn Thị Trà Giang	03/09/2006	Nữ	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
681	718	Nguyễn Phương Ngọc	31/05/2006	Nữ	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
682	719	Lê Thị Yến Nhi	06/06/2006	Nữ	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
683	720	Hoàng Thuỳ Linh	14/03/2006	Nữ	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
684	721	Vũ Thị Duyên	28/02/2006	Nữ	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
685	722	Nguyễn Thảo Nguyên	16/03/2006	Nữ	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
686	723	Lê Thị Cẩm Ly	28/08/2006	Nữ	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
687	724	Trần Thị Kim Chi	05/04/2006	Nữ	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
688	725	Phạm Ngọc Huyền	17/08/2005	Nữ	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
689	726	Phạm Thị Bích Ngọc	11/05/2006	Nữ	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
690	727	Ngô Trung Nguyên	04/10/2006	Nam	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
691	728	Hoàng Thị Huyền Trang	06/07/2006	Nữ	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
692	729	Lê Khánh Ly	13/11/2006	Nữ	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
693	730	Bùi Viết Chiến	22/10/2006	Nam	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
694	731	Hồ Thảo Linh	01/11/2006	Nữ	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
695	732	Cao Hương Giang	23/08/2006	Nữ	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
696	733	Vũ Văn Tuấn	18/06/2002	Nam	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
697	734	Phạm Hà Giang	06/09/2006	Nữ	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
698	735	Nguyễn Diễm My	07/08/2006	Nữ	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
699	736	Đỗ Đức Huỳnh	22/07/2006	Nam	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
700	737	Ngô Thị Hương	10/04/2006	Nữ	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
701	738	Nguyễn Anh Tuấn	31/07/2005	Nam	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
702	739	Nguyễn Đức Hiếu	11/05/2006	Nam	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
703	740	Nguyễn Thị Bích Ngọc	24/09/2004	Nữ	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
704	741	Vũ Thị Lan Anh	26/11/2006	Nữ	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
705	742	Nguyễn Thị Thu Hoài	10/06/2006	Nữ	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
706	743	Vương Thành Nam	26/06/2006	Nam	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
707	744	Nguyễn Lan Anh	29/04/2006	Nữ	6320106	Truyền thông đa phương tiện	

TT	Mã HS	Họ Tên	Ngày sinh	Giới Tính	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
708	745	Vũ Hoàng Việt Chung	26/5/2004	Nam	6320106	Truyền thông đa phương tiện	
II	Hệ Trung cấp						
709	2	Nguyễn Duy Hùng	12/03/2006	Nam	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
710	3	Lê Trương Hoàn	17/08/2003	Nam	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
711	4	Vũ Cường Thịnh	08/03/2008	Nam	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
712	5	Hoàng Nguyễn Bao Nhân	22/05/2009	Nữ	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
713	6	Nguyễn Minh Châu	07/03/2009	Nữ	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
714	7	Vũ Yến Chi	13/04/2009	Nữ	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
715	8	Trần Phương Anh	06/01/2009	Nữ	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
716	9	Trần Phương Anh	16/11/2009	Nữ	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
717	10	Trần Bảo Minh	04/07/2009	Nam	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
718	11	Ngô Thanh Tùng	15/10/2009	Nam	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
719	12	Dư Bảo Anh	21/08/2009	Nữ	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
720	13	Nguyễn Gia Bảo	29/10/2009	Nam	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
721	14	Phạm Châu Anh	14/10/2009	Nữ	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
722	15	Hoàng Minh Hoà	03/04/2009	Nữ	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
723	16	Trần Tuấn Hùng	07/02/2009	Nam	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
724	17	Trang Quỳnh Như	30/09/2008	Nữ	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
725	18	Nguyễn Tấn Dũng	05/07/2009	Nam	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
726	19	Bùi Anh Quân	30/10/2005	Nam	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
727	20	Bùi Thái Thịnh Mỹ	26/10/2009	Nữ	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
728	21	Đinh Thế An	25/05/2009	Nam	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
729	22	Trần Quốc Hoàng	13/03/2009	Nam	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
730	23	Vũ Tuệ Anh	22/02/2007	Nữ	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
731	24	Thăng Minh Phúc	16/10/2009	Nam	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
732	25	Trần Hoàng Anh	23/07/2009	Nam	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
733	26	Nguyễn Thị Phương Liên	11/10/2009	Nữ	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
734	27	Khổng Hoàng Sơn	24/09/2009	Nam	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
735	28	Nguyễn Nam Khánh	25/11/2009	Nam	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
736	29	Vũ Khánh Ngọc	09/05/2009	Nữ	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
737	30	Nguyễn Minh Trang	15/01/2009	Nữ	5810207	Kỹ thuật chế biến món ăn	
738	31	Đỗ Hồng Ân	01/04/2009	Nữ	5810201	Quản trị khách sạn	
739	32	Đỗ Đặng Hữu Anh	31/10/2009	Nam	5810201	Quản trị khách sạn	
740	33	Phạm Tuấn Anh	24/08/2009	Nam	5810201	Quản trị khách sạn	
741	34	Vũ Minh Anh	09/06/2009	Nữ	5810201	Quản trị khách sạn	
742	35	Nguyễn Hùng Bách	08/12/2008	Nam	5810201	Quản trị khách sạn	
743	36	Đoàn Vi Quỳnh Chi	28/12/2009	Nữ	5810201	Quản trị khách sạn	
744	37	Phạm Kiên Định	16/04/2008	Nam	5810201	Quản trị khách sạn	
745	38	Nguyễn Hải Giang	01/06/2009	Nam	5810201	Quản trị khách sạn	
746	39	Hoàng Gia Hân	13/12/2007	Nữ	5810201	Quản trị khách sạn	
747	40	Đoàn Trung Hiếu	04/12/2008	Nam	5810201	Quản trị khách sạn	
748	41	Lê Tùng Lâm	21/12/2009	Nam	5810201	Quản trị khách sạn	

TT	Mã HS	Họ Tên	Ngày sinh	Giới Tính	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
749	42	Nguyễn Sơn Lâm	29/10/2009	Nam	5810201	Quản trị khách sạn	
750	43	Nguyễn Thu Ngân	30/06/2009	Nữ	5810201	Quản trị khách sạn	
751	44	Nguyễn Minh Nguyệt	23/10/1999	Nữ	5810201	Quản trị khách sạn	
752	45	Trần Vũ Minh Quân	18/12/2007	Nam	5810201	Quản trị khách sạn	
753	46	Chu Thị Thuý Quỳnh	08/03/2004	Nữ	5810201	Quản trị khách sạn	
754	47	Lê Ngọc Thanh	05/11/2009	Nữ	5810201	Quản trị khách sạn	
755	48	Lê Văn Thi	03/09/2001	Nam	5810201	Quản trị khách sạn	
756	49	Bùi Đức Huy Thiện	22/09/2009	Nam	5810201	Quản trị khách sạn	
757	50	Lê Minh Trí	02/10/2009	Nam	5810201	Quản trị khách sạn	
758	51	Nguyễn Thục Uyên	09/09/2009	Nữ	5810201	Quản trị khách sạn	
759	52	Nguyễn Hải Yến	09/11/2009	Nữ	5810201	Quản trị khách sạn	
760	53	Chu Thái Sơn	26/08/2009	Nam	5810201	Quản trị khách sạn	
761	54	Phạm Gia Trọng	26/04/2007	Nam	5810201	Quản trị khách sạn	
762	55	Nguyễn Thị Thuý Chang	23/10/2003	Nữ	5810201	Quản trị khách sạn	
763	56	Nguyễn Hải Đăng	25/12/2009	Nam	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
764	57	Phạm Hiền Diệu	06/05/2009	Nữ	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
765	58	Vàng Xuân Định	20/01/2009	Nam	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
766	59	Lù Thị Dứa	21/06/2009	Nữ	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
767	60	Thào Thị Dung	23/02/2009	Nữ	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
768	61	Thào Seo Hiền	23/01/2009	Nam	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
769	62	Lâu Xuân Hiếu	19/03/2008	Nam	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
770	63	Giàng Thị Thuý Hoa	01/11/2009	Nữ	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
771	64	Cháng Thị Hương	03/10/2009	Nữ	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
772	65	Cứ Văn Kỳ	14/10/2009	Nam	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
773	66	Thào Thị Liên	23/10/2009	Nữ	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
774	67	Giàng Thị Ly	10/11/2007	Nữ	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
775	68	Nguyễn Hải Ly	18/01/2009	Nữ	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
776	69	Mùa Thị Mai	11/04/2008	Nữ	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
777	70	Trần Bình Minh	22/06/2009	Nam	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
778	71	Ma Thị Na	12/03/2009	Nữ	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
779	72	Hàng Thị Nga	15/11/2009	Nữ	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
780	73	Cháng Thị Nhung	25/07/2008	Nữ	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
781	74	Vù Thị Pà	28/07/2009	Nữ	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
782	75	Giàng Thị Phê	08/04/2009	Nữ	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
783	76	Giàng Thị Phua	02/11/2009	Nữ	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
784	77	Giàng Thị Phương	08/08/2009	Nữ	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
785	78	Cháng Thị Pôi	31/07/2009	Nữ	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
786	79	Giàng A Sênh	14/06/2009	Nam	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
787	80	Cứ Thị Sơ	10/03/2009	Nữ	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
788	81	Châu Thị Sung	15/03/2009	Nữ	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
789	82	Vù Văn Tiến	05/04/2008	Nam	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
790	83	Giàng Thị Ánh	01/10/2009	Nữ	5220211	Tiếng Hàn Quốc	

TT	Mã HS	Họ Tên	Ngày sinh	Giới Tính	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
791	84	Chang A Dũng	10/12/2008	Nam	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
792	85	Thao Văn Phương	27/07/2009	Nam	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
793	86	Phân A Náy	18/06/2009	Nam	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
794	87	Thào Thị Hoa	03/05/2009	Nữ	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
795	88	Mua Lan Anh	24/04/2009	Nữ	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
796	89	Hoàng Thị Súa	16/04/2009	Nữ	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
797	90	Đinh Thị Thu Trang	23/03/2006	Nữ	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
798	91	Nguyễn Thị Hòa	24/03/2006	Nữ	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
799	92	Phùng Thị Thanh Huyền	04/10/2006	Nữ	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
800	93	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	16/09/2006	Nữ	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
801	94	Phạm Mạnh Quang	01/12/2005	Nam	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
802	95	Lê Thị Mây	11/09/2006	Nữ	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
803	96	Nguyễn Minh Phương	27/10/2005	Nữ	5220211	Tiếng Hàn Quốc	
804	97	Giàng A Chung	30/10/2009	Nam	5220209	Tiếng Trung Quốc	
805	98	Giàng Thị Dưa	27/11/2009	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
806	99	Thào A Hải	23/03/2009	Nam	5220209	Tiếng Trung Quốc	
807	100	Sùng Thị Ia	17/04/2008	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
808	101	Đỗ Phương Linh	15/12/2008	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
809	102	Giàng Minh Tân	30/10/2009	Nam	5220209	Tiếng Trung Quốc	
810	103	Hoàng Thị Thi	28/01/2009	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
811	104	Sùng A Dế	02/09/2009	Nam	5220209	Tiếng Trung Quốc	
812	105	Sông Thị Dưa	23/09/2009	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
813	106	Chảo Thị Mượng	01/09/2009	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
814	107	Trần Thị Hồng Ngát	01/06/2003	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
815	108	Hoàng Thị Mai	15/02/2009	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
816	109	Mai Thanh Hà	20/05/2009	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
817	110	Trần Thị Thùy Linh	27/11/2005	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
818	111	Nguyễn Ngọc Anh	26/11/2005	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
819	112	Lê Thị Quỳnh Anh	12/01/2006	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
820	113	Ma Văn Hùng	27/04/2004	Nam	5220209	Tiếng Trung Quốc	
821	114	Ma Doãn Ngọc	26/06/2006	Nam	5220209	Tiếng Trung Quốc	
822	115	Nguyễn Tiến Hoài Vũ	01/09/2002	Nam	5220209	Tiếng Trung Quốc	
823	116	Nguyễn Thị Nguyên	19/11/2006	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
824	117	Nguyễn Thu Hoài	12/07/2006	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
825	118	Nguyễn Thị Kiều Hoa	25/05/2006	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
826	119	Nguyễn Thị Kiều Trang	18/03/2006	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
827	120	Ngô Quỳnh Trang	13/06/2006	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
828	121	Nguyễn Thị Tuyết	15/08/2006	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
829	122	Lê Thu Hằng	06/09/2006	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
830	123	Lê Vũ Mạnh	20/07/2005	Nam	5220209	Tiếng Trung Quốc	
831	124	Hà Thị Quyên	03/04/2006	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
832	125	Nguyễn Thị Thu Huyền	16/05/2006	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	

TT	Mã HS	Họ Tên	Ngày sinh	Giới Tính	Mã ngành	Ngành	Ghi chú
833	126	Đỗ Khánh Linh	28/12/2006	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
834	127	Kim Ngọc Chinh	23/07/2006	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
835	128	Hà Thị Hoài Phương	02/04/2006	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
836	129	Đặng Tuấn Anh	14/12/2006	Nam	5220209	Tiếng Trung Quốc	
837	130	Nguyễn Thị Hồng Vân	07/07/2006	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
838	131	Trần Thị Ngọc Anh	09/08/2006	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
839	132	Lê Ngọc Yến	04/09/2006	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
840	133	Nguyễn Hương Giang	03/11/2006	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
841	134	Hoàng Thị Thảo	24/09/2006	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
842	135	Hoàng Thị Chuyển	02/07/2006	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
843	136	Trần Thị Thơm	30/03/2006	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
844	137	Trần Thị Lệ Quyên	30/06/2005	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
845	138	Trịnh Thị Thủy Tiên	02/03/2006	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
846	139	Nguyễn Huyền Thương	03/11/2006	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
847	140	Ngô Kim Bảo Ngọc	16/12/2006	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
848	141	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	26/06/2006	Nữ	5220209	Tiếng Trung Quốc	
849	142	Nguyễn Hữu Duy	25/10/2004	Nam	5220209	Tiếng Trung Quốc	

Danh sách gồm 849 thí sinh trúng tuyển ./.



